TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH KIÊN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 65/2018/DS-PT
Ngày: 09-4-2018
V/v Tranh chấp hợp đồng
dân sự về hợp tác sản xuất

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Lâm Sơn

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Thành Tấn

Bà Nguyễn Thị Kim Hường

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Hoàng Hồng Thắm – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Kiên Giang tham gia phiên toà: Ông Trịnh Văn Đương - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 4 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 206/2017/TLPT-DS ngày 11 tháng 12 năm 2017 về tranh chấp hợp đồng dân sự về hợp tác sản xuất.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 78/2017/DS-ST ngày 27 tháng 9 năm 2017 của Tòa án nhân dân huyện K, tỉnh Kiên Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 53/2017/QĐ-PT ngày 28 tháng 3 năm 2018 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Phạm Quang H, sinh năm 1980

Địa chỉ: Ấp Đ, xã Đ1, huyện T, tỉnh Kiên Giang.

Bị đơn: Ông Bùi Hữu L, sinh năm 1978

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Nguyễn Thị Ngọc Y, sinh năm 1979

Cùng địa chỉ: Ấp D, xã D1, huyện K, tỉnh Kiên Giang.

Tạm trú: Ấp L1, xã H1, huyện T, tỉnh Kiên Giang.

- *Người kháng cáo:* Nguyên đơn ông Phạm Quang H.

(Các đương sự đều có mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Ông Phạm Quang H trình bày: Vào ngày 09/12/2013 giữa ông với ông Bùi Hữu L có lập hợp đồng sản xuất về việc ông là người cung cấp giống lúa nếp, phân bón và thuốc trừ sâu cho ông L. Đến ngày 10/12/2013 ông cung cấp cho ông L số giống 18.600 kg lúa nếp, giá 13.000 đồng/kg = 241.800.000 đồng. Thuốc sâu ông giao thành nhiều loại, đợt 1 vào ngày 16/12/2013 số tiền là 370.480.000 đồng, đợt 2 vào ngày 03/01/2014 là 31.000.000 đồng, đợt 3 vào ngày 9/01/2014 là 31.200.000 đồng, đợt 4 ngày 7/2/2014 là 68.540.000 đồng, đợt 5 vào tháng 3/2014 giao hai lần là 802.450.000 đồng. Toàn bộ số giống này ông giao cho ông L đầu tư sản xuất trên 560 công đất ruộng. Sau khi thu hoạch thì ông L phải bán lại lúa cho ông với giá 5.000 đồng/kg. Do sau khi thu hoạch ông phải đi mua lúa ở huyện G nên có nhờ ông L bán giùm, tuy nhiên không thống nhất giá bán và sản lượng thu hoạch nên phát sinh tranh chấp.

Ông yêu cầu ông L phải trả cho ông số tiền đầu tư mà ông và ông L đã thống nhất là 707.587.000 đồng, không buộc bà Y vợ của ông L thực hiện nghĩa vụ liên đới.

Về yêu cầu phản tố của ông L: Ông đồng ý bồi thường thiệt hại cho ông L nhưng đề nghị Tòa án xác định lại giá lúa bán và sản lượng thu hoạch nhằm xác định thiệt hại và cơ sở tính thiệt hại.

Ông Bùi Hữu L trình bày: Ông thừa nhận lời trình bày của ông H về việc hợp tác sản xuất, sau khi thu hoạch thì ông H sẽ thu mua với giá cố định là 5.000 đồng/kg (dù cho giá cả thị trường có lên xuống). Tuy nhiên ông H không cung cấp đủ phân bón để phục vụ sản xuất theo hợp đồng, ông H chỉ cung cấp được 335 bao phân, với số lượng này chỉ phục vụ được 1/3 diện tích đất sản xuất. Ông phải mua thêm 700 bao phân với giá thị trường lên xuống thất thường.

Về phần lúa nếp ông đã sản xuất trên 560 công đất, tổng thu hoạch là 644.000 kg. Trước khi thu hoạch ông thông báo cho ông H qua điện thoại thì ông H có nhờ ông bán giùm, nếu dưới 5.000 đồng/kg thì phần lỗ bao nhiêu ông H bù. Do đó ông đã bán lúa với giá 3.600 đồng/kg, bị lỗ 1.400 đồng/kg nên số tiền bị lỗ là 902.000.000 đồng. Nay ông thống nhất trả cho ông H số tiền đã đầu tư là 707.587.000 đồng nhưng yêu cầu ông H phải bồi thường thiệt hại và cấn trừ ngang với số tiền ông H đã đầu tư, ông không yêu cầu ông H phải bồi thường thêm.

Bà Nguyễn Thị Ngọc Y thống nhất theo lời trình bày và yêu cầu của ông L.

Bản án dân sự sơ thẩm số: 78/2017/DS-ST ngày 27/9/2017 của Tòa án nhân dân huyện K, tỉnh Kiên Giang đã quyết định:

Ghi nhận sự tự thỏa thuận giữa ông Phạm Quang H với ông Bùi Hữu L vè việc ông L đồng ý trả lại cho ông H số tiền ông H đã đầu tư là 707.587.000 đồng.

Buộc ông Phạm Quang H phải bồi thường thiệt hại cho ông Bùi Hữu L số tiền 707.587.000 đồng.

Yêu cầu của ông Phạm Quang H về việc buộc ông Bùi Hữu L hoàn trả số tiền đầu tư được chấp nhận, đồng thời yêu cầu phản tố của ông Bùi Hữu L về việc yêu cầu ông Phạm Quang H bồi thường thiệt hại cũng được chấp nhận và có giá trị ngang nhau nên xem như đã cấn trừ xong.

Án sơ thẩm còn tuyên về án phí và báo quyền kháng cáo theo hạn luật định.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 10/10/2017 ông Phạm Quang H có đơn kháng cáo không đồng ý bù lỗ với mức sản lượng lúa trên công và giá lúa do Tòa án tuyên.

Tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay, nguyên đơn giữ nguyên nội dung đơn khởi kiện và đơn kháng cáo, bị đơn yêu cầu giữ nguyên bản án sơ thẩm. Các đương sự không tự hòa giải với nhau được, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm giải quyết.

Kiểm sát viên kết luận: Thẩm phán, Hội đồng xét xử phúc thẩm và các đương sự từ khi thụ lý vụ án đến thời điểm nghị án đã thực hiện và chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận nội dung kháng cáo của ông H và sửa bản án sơ thẩm do có sai sót về việc xác định án phí dân sự sơ thẩm.

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét, thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện các chứng cứ, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, của các bên đương sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Trong quá trình giải quyết vụ án, các bên đương sự đều thống nhất giữa ông Phạm Quang H và ông Bùi Hữu L có ký "Hợp đồng kinh tế lúa nếp" ngày 09/12/2013 (BL 16,17). Theo đó ông H có nghĩa vụ đầu tư giống lúa nếp 18.600 kg (giá 1.300đ/kg), phân bón, thuốc trừ sâu cho ông L gieo sạ trên 560 công đất. Đến thu hoạch ông H sẽ thu mua lại lúa nếp với giá cố định là 5.000 đồng/kg (cho dù giá thị trường có tăng hay giảm). Phía ông H thừa nhận vụ Đông xuân 2014 (khoảng tháng 02/2014) lúa nếp bị rớt giá, do ông phải thu mua lúa ở huyện G nên không vào thu mua lúa của ông L kịp, ông có nhờ ông L bán lúa giùm với giá thấp hơn 5.000 đồng/kg. Do đó việc Tòa án cấp sơ thẩm xác định ông L có trách nhiệm hoàn trả cho ông H số tiền đầu tư mà hai bên đã đối chiếu là 707.587.000 đồng, còn ông H có trách nhiệm bồi thường khoảng chênh lệch bị lỗ cho ông L là đúng theo thỏa thuận giữa các bên, phù hợp với quy định của pháp luật.

[2] Vấn đề tranh chấp là do hai bên không thống nhất được về giá lúa và sản lượng lúa thu hoạch của vụ đông xuân 2014 để làm căn cứ xác định thiệt hại thực tế. Phía ông H khai giá lúa ông yêu cầu ông L bán giùm là 4.600 đồng/kg, tuy

nhiên tại Biên bản lấy lời khai của ông Nguyễn Hoàng Thanh L2 (BL 97) là người chứng kiến ông H điện thoại cho ông L trao đổi về giá cả mua bán lúa nếp thì cho rằng ông L nói giá bán là 4.200 đồng/kg. Các lời khai này không thống nhất và đều không có chứng cứ chứng minh.

Tòa án cấp sơ thẩm đã tiến hành nhiều biện pháp để thu thập chứng cứ như: yêu cầu Viettel Kiên Giang – chi nhánh Tập đoàn viễn thông Quân đội cung cấp dữ liệu những lần liên lạc qua các số điện thoại của ông H và ông L sử dụng tại thời điểm thu hoạch lúa; Yêu cầu Hiệp hội lương thực Việt Nam và Phòng Tài chính kế hoạch huyện K cung cấp giá mua bán lúa nếp tại thời điểm thu hoạch; Tuy nhiên các biện pháp này không nhận được kết quả theo yêu cầu.

Qua xác minh những người có đất sản xuất tại địa phương và chứng kiến việc ông L bán lúa nếp, xác minh ý kiến của tổ trưởng, trưởng ấp (BL 98 - 101) thì cho rằng mùa lúa nếp vụ đông xuân 2014 bị rớt giá rất thấp, giá thu mua khoảng từ 3.000 - 3.600 đồng, sản lượng khoảng 600 – 1.000 kg/công. Đối chiếu với lời khai của ông Nguyễn Văn C (BL 82) là người đã mua lúa của ông L xác nhận vào ngày 13/4/2014 ông mua lúa nếp của ông L với giá 3.600 đồng/kg, số lượng 644.000kg (tương đương sản lượng 1.150kg/công). Về giá lúa và sản lượng lúa theo lời khai của ông C đều ở mức cao so với giá trung bình ở địa phương.

Nhận thấy các lời khai của người dân sản xuất lúa tại địa phương là có tính khách quan, có thể làm cơ sở xem xét để xác định giá lúa và sản lượng lúa theo cách lấy mức bình quân. Do đó, việc Tòa án cấp sơ thẩm lấy giá lúa vụ đông xuân 2014 là 3.300 đồng/kg, sản lượng lúa 800kg/công để xác định thiệt hại thực tế của ông L là phù hợp. Theo đó mức thiệt hại được xác định là 902.000.000 đồng, ông L phản tố yêu cầu cấn trừ vào số tiền đầu tư của ông H 707.587.000 đồng, không buộc ông H phải bồi thường thêm, nên Tòa án cấp sơ thẩm xác định hai bên đã thực hiện xong nghĩa vụ là đúng quy định pháp luật.

[3] Ông H kháng cáo không đồng ý với việc xác định sản lượng lúa và giá lúa của Tòa án cấp sơ thẩm, ông cho rằng sản lượng lúa ông L thu hoạch là 700kg/công. Về giá lúa ông cho rằng ông L bán lúa thành nhiều đợt, đợt một giá 4.200 đồng/kg, đợt hai giá 3.800 đồng/kg, đợt ba giá 3.600 đồng/kg. Nếu tính giá lúa theo lời khai của ông H thì mức giá trung bình là 3.800 đồng/kg. Tại phiên tòa phúc thẩm ông L cũng đồng ý lấy mức giá này để tính thiệt hại đối với sản lượng lúa 644.000kg, như vậy mức thiệt hại mà ông H phải bù lỗ cho ông L được xác định là 772.800.000 đồng. Mức thiệt hại này vẫn cao hơn so với số tiền đầu tư của ông H.

Tại phiên tòa phúc thẩm ông H thừa nhận vào thời điểm thu hoạch lúa vụ Đông xuân 2014 ông không đến địa phương tìm hiểu về giá lúa, sản lượng lúa. Đối với các ý kiến của ông H về giá lúa, sản lượng lúa đều không có căn cứ xác định. Như vậy ông H không cung cấp được chứng cứ có giá trị pháp lý để chứng minh

cho nội dung kháng cáo của mình do đó Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của ông H, cần thiết giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm về nội dung nêu trên.

[4] Án phí:

- Án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ khoản 2 Điều 27 Pháp lệnh số 10/2009/PL-UBTVQH12 ngày 27/02/2009 về án phí, lệ phí Tòa án của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định bị đơn phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm trong trường hợp toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận. Yêu cầu khởi kiện của ông H được chấp nhận, ông L có nghĩa vụ trả cho ông H số tiền đầu tư 707.587.000 đồng, tuy nhiên Tòa án cấp sơ thẩm lại buộc ông H phải chịu 1/2 án phí trên số tiền mà ông L có nghĩa vụ trả cho ông H là sai quy định, ảnh hưởng đến quyền lợi chính đáng của ông H nên Tòa án cấp phúc thẩm xác định lại án phí như sau: Ông L có nghĩa vụ trả cho ông H số tiền 707.587.000 đồng, nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 32.303.500 đồng.

Yêu cầu phản tố của ông L được chấp nhận, ông H bị buộc phải bồi thường thiệt hại cho ông L số tiền 707.587.000 đồng. Căn cứ khoản 5 Điều 27 Pháp lệnh số 10/2009/PL-UBTVQH12 ngày 27/02/2009, ông H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 32.303.500 đồng.

Tuy nhiên tại cấp sơ thẩm cả ông H và ông L đều có nộp đơn xin giảm án phí do hoàn cảnh gia đình khó khăn, có xác nhận của chính quyền địa phương (BL 04, 66), nhưng Tòa án cấp sơ thẩm không xem xét giảm án phí cho đương sự là tH sót. Căn cứ khoản 1, khoản 3 Điều 14 Pháp lệnh số 10/2009/PL-UBTVQH12 ngày 27/02/2009 Hội đồng xét xử phúc thẩm cho đương sự miễn nộp 50% tiền án phí, do đó ông H còn phải nộp án phí sơ thẩm là 16.151.700 đồng; Ông L còn phải nộp án phí sơ thẩm là 16.151.700 đồng.

- Án phí phúc thẩm: Ông H kháng cáo không được chấp nhận về nội dung nên phải chịu án phí phúc thẩm 300.000 đồng theo quy định tại khoản 2 Điều 29 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

[5] Từ những phân tích, nhận định trên, trong thảo luận và nghị án, Hội đồng xét xử thống nhất chấp nhận quan điểm đề nghị của vị đại diện Viện Kiểm sát là xử bác nội dung kháng cáo của ông H và sửa bản án sơ thẩm về phần án phí.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308, Điều 309 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

Áp dụng các Điều 304, 307, 308 và 388 Bộ luật dân sự 2005; Điều 14, Điều 27 Pháp lệnh số 10/2009/PL-UBTVQH12 ngày 27/02/2009 về án phí, lệ phí Tòa án của Uỷ ban thường vụ Quốc Hội; Điều 29 và Điều 48 Nghị quyết số

326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Không chấp nhận kháng cáo của ông Phạm Quang H.

Sửa bản án dân sự sơ thẩm số 78/2017/DS-ST ngày 27/9/2017 của Tòa án nhân dân huyện K, tỉnh Kiên Giang.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Phạm Quang H. Ghi nhận sự tự thỏa thuận giữa ông Phạm Quang H và ông Bùi Hữu L về việc ông L đồng ý trả lại cho ông H số tiền ông H đã đầu tư là 707.587.000 đồng.

2. Chấp nhận yêu cầu phản tố của ông Bùi Hữu L, buộc ông Phạm Quang H phải bồi thường thiệt hại cho ông Bùi Hữu L số tiền 707.587.000 đồng.

Do số tiền ông L có nghĩa vụ trả cho ông H và số tiền ông H có nghĩa vụ trả cho ông L có giá trị ngang nhau nên xem như đã cấn trừ xong, ông H và ông L không phải trả thêm tiền.

3. Án phí:

- Án phí sơ thẩm:

Ông Phạm Quang H phải chịu án phí là 16.151.700 đồng, được khấu trừ vào tạm ứng án phí đã nộp 9.234.900 đồng theo biên lai thu tiền số 07536 ngày 15/8/2014, ông H còn phải nộp thêm số tiền là 6.916.800 (Sáu triệu chín trăm mười sáu nghìn tám trăm) đồng.

Ông Bùi Hữu L phải chịu án phí là 16.151.700 đồng, được khấu trừ vào tạm ứng án phí đã nộp 9.765.000 đồng theo biên lai thu tiền số 06062 ngày 14/10/2014, ông L còn phải nộp thêm số tiền là 6.386.700 (Sáu triệu ba trăm tám mươi sáu nghìn bảy trăm) đồng.

- Án phí phúc thẩm: Ông Phạm Quang H phải chịu án phí phúc thẩm là 300.000 đồng, được khấu trừ vào tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0001798 ngày 10/10/2017.

(Tất cả các lai thu tạm ứng án phí đều của Chi cục Thi hành án dân sự huyện K, tỉnh Kiên Giang)

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Kiên Giang;
- TAND huyện K;
- THA dân sự huyện K;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Lâm Sơn

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM

Thẩm phán **Thẩm phán** **Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

Nguyễn Thành Tấn Nguyễn Thị Kim Hường Lê Lâm Sơn